

Số: 537/CĐSPBN-ĐT

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
CỦA NĂM HỌC 2022 - 2023 VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUY CHẾ
CÔNG KHAI CỦA NĂM HỌC 2023 - 2024

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT - BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục;

Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh báo cáo cơ quan chỉ đạo về kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022 - 2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023 - 2024, cụ thể như sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022 - 2023

Trong năm học 2022 – 2023 Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh đã thực hiện đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo đúng quy định tại Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Các nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Nhà trường thực hiện đầy đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh của trường; mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học, chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV

(Biểu mẫu 17 kèm theo).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Trường đã thực hiện công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại trường công khai đầy đủ hình thức đào tạo phân theo khối ngành đào tạo. Đối với tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường: số sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao

(Biểu mẫu 18 kèm theo).

c) Chỉ tiêu tuyển sinh của trường theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

d) Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên.

đ) Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, Trường CDSP Bắc Ninh phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức dạy học; đặc biệt phải đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong đó có biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, một yêu cầu không thể thiếu của nhà trường nói chung và của mỗi cán bộ giảng viên nói riêng. Biên soạn tài liệu vừa là động lực thúc đẩy quá trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên (CBGV), vừa góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình tự học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường.

Trong năm học 2022 - 2023 nhà trường đã nghiệm thu 2 tài liệu học tập (lưu hành nội bộ) phục vụ công tác giảng dạy: Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn dạy học chủ đề Bảo vệ môi trường trong Tài liệu Giáo dục địa phương Tỉnh Bắc Ninh lớp 10 - TS. Đặng Thị Thanh Mai (Ứng dụng trong dạy - học học phần *CNTT & UDCNTT trong dạy học* cho SV trường CDSP Bắc Ninh); Tài liệu học tập: Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường - Ths. Lưu Thị Thanh Hương - Ths. Bùi Thị Thu Thủy (Ứng dụng trong dạy - học học phần *Trang trí trường, lớp mầm non* cho SV trường CDSP Bắc ninh).

e) Đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của các sinh viên trình độ đại học, học viên trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt.

g) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự chủ in phôi văn bằng, chứng chỉ, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng, chứng chỉ cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

h) Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (nếu có): các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo.

Liên kết đào tạo đại học liên thông vừa làm vừa học của Trường CDSP Bắc Ninh với các trường đại học theo chỉ tiêu phê duyệt của UBND tỉnh Bắc Ninh căn cứ theo nhu cầu thực tế đào tạo nâng chuẩn của Tỉnh Bắc Ninh.

Cụ thể:

- Liên kết đào tạo với Trường ĐHSP Hà Nội: Tuyển sinh 8/2022: 239 sinh viên.

- Liên kết đào tạo với Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên: Tuyển sinh 9/2022: 220 sinh viên.

- Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học liên thông VLVH được phê duyệt của UBND Tỉnh Bắc Ninh 5/2023: 300 chỉ tiêu.

i) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn.

Trong năm học 2022 -2023, công tác nghiên cứu khoa học của Trường CĐSP Bắc Ninh đạt được khá nhiều thành tựu:

+ Các Đề tài nghiên cứu khoa học (ĐTKH), tài liệu học tập (TLHT) được nghiệm thu năm học 2021-2022 đã được chuyển giao cho các đối tác/đơn vị trong Trường CĐSP Bắc Ninh sử dụng từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023. Tổng cộng có 14 ĐTKH và 02 TLHT đã được chuyển giao và đánh giá đạt yêu cầu.

+ Tính đến tháng 6 năm 2023, Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Trường CĐSP Bắc Ninh đã nghiệm thu và công nhận 28 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, 02 tài liệu học tập của các giảng viên. Nhà trường có 13 sáng kiến kinh nghiệm cấp Ngành đã được nghiệm thu và công nhận.

Tất cả các sản phẩm khoa học của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023 đều được công khai thông qua các kênh sau:

+ Công khai thông qua việc giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên trong các giờ học trên lớp, cũng như qua các hoạt động ngoại khóa.

+ Các sản phẩm sau khi nghiệm thu được đưa vào thư viện Trường (các SKKN cấp ngành được gửi lên Hội đồng khoa học Ngành) và công khai trên email của các đơn vị cũng như trên website Trường.

k) Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

*** Trong nước:**

Trường CĐSP Bắc Ninh hiện liên kết đào tạo đại học liên thông vừa làm vừa học với 3 trường đại học: Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2 và Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên.

- **Địa điểm đặt lớp:** Trường CĐSP Bắc Ninh, số 12A đường Bình Than, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Quy mô liên kết đào tạo năm 2022 – 2023 như sau (tính đến 9/2023):

Stt	Ngành	LKĐT SP2		LKĐT ĐHSP TN		LKĐT ĐHSPHN		Tổng cộng		
		Số lớp	SS	Số lớp	SS	Số lớp	SS	Số lớp	SS	Ngành
1	GDMN			3	190			3	190	276
				2	86			2	86	
2	GDTH			1	24			1	24	186
				2	106	1	56	3	162	
3	SP Toán học			1	23	1	29	2	52	52
4	SP Ngữ văn					1	30	1	30	30
5	SP Tiếng Anh					1	51	1	51	51
6	SP Âm nhạc					1	31	1	31	31
7	SP Mỹ thuật					1	41	1	41	41
		0	0	9	429	6	238	15	667	667

* Số sinh viên đã tốt nghiệp (tính đến 6/2023):

Stt	Trường ĐH	SL SV TN	Lớp tốt nghiệp
1	Liên kết với ĐHSPHN1:	0	
2	Liên kết với ĐHSPHN2:	71	MN32
3	Liên kết với ĐHSP TN	279	Các lớp TN 2022-2023: GDTH K21B,C,D; TA21; MN21B
Cộng		350	

m) Kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo: công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trường CDSP Bắc Ninh đã thực hiện công tác bảo đảm chất lượng như sau:

*** Công tác đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:**

Trường CDSP Bắc Ninh đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục năm 2020, cụ thể:

- Đánh giá ngoài theo Quyết định số 68/QĐ-KĐCLGD ngày 02/11/2019 của Giám đốc TT KĐCLGD – Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam.

- Nghị quyết 06/CV-KĐCLGD của TT KĐCLGD, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam ngày 08/01/2020

- Được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng (KĐCL) cơ sở giáo dục ngày 06/3/2020, giấy chứng nhận có giá trị đến 06/3/2025.

- Trường đã đạt chuẩn chất lượng KĐCL cơ sở giáo dục với 85,45% tiêu chí đạt.

- Bắt đầu từ 3/2020, Trường đã triển khai các hoạt động phát huy điểm mạnh và khắc phục các tồn tại sau đánh giá ngoài theo Nghị quyết 06/CV-KĐCLGD của TT KĐCLGD, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam ngày 08/01/2020. Trường đã xây dựng kế hoạch khắc phục tồn tại số 298/KH-CĐSP ngày 29/6/2020. Các đơn vị chức năng, các Nhóm công tác triển khai thực hiện Kế hoạch và có báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết việc thực hiện theo từng năm.

- Ngày 28 tháng 6 năm 2022, Nhà trường đã thành lập Hội đồng rà soát giữa chu kỳ KĐCLGD trường theo QĐ số 221/QĐ-CĐSP ngày 28 tháng 6 năm 2022 và ban hành Kế hoạch (Kế hoạch số 423/KH-CĐSP ngày 01 tháng 7 năm 2022).

*** Công tác đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo:**

Trường CĐSP Bắc Ninh đang chuẩn bị các điều kiện cho công tác tự đánh giá đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT):

- Ngày 29 tháng 10 năm 2021, Nhà trường đã ban hành QĐ số 386/QĐ-CĐSP về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình CĐSP ngành Giáo dục Mầm non.

- Ngày 8 tháng 11 năm 2021, Nhà trường đã ban hành kế hoạch Tự đánh giá chương trình Cao Đẳng Sư Phạm ngành Giáo dục mầm non số 716/KH-CĐSP.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Công khai thông tin về cơ sở vật chất

Từ khi thành lập trường đến nay, cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn phát triển, tính đến hết năm học 2022- 2023 số phòng học, phòng làm việc của trường hiện có và đang sử dụng gồm:

- Diện tích đất toàn trường là: 38 500 m²
- Phòng học: 32 phòng kiên cố đều được trang bị thiết bị dạy học hiện đại phục vụ đổi mới PPDH và ứng dụng CNTT trong dạy học (màn hình thông minh, ti vi tương tác thông minh, máy chiếu, máy điều hoà ,...)
- Cơ sở Mầm non Hoa Phượng: 06 phòng học
- Hội trường Đa chức năng có diện tích sử dụng 680 m² , được trang bị máy điều hoà.
- Nhà học môn chung: 02 nhà = 800 m² .
- Phòng tin học: 03 phòng với 150 máy vi tính được kết nối mạng.
- Phòng học ngoại ngữ đạt tiêu chuẩn: 02 phòng gồm 80 máy tính, 02 máy chiếu, kết nối mạng, có phần mềm dạy học tiếng Anh, có ti vi tương tác thông minh.
- Phòng học Nhạc: 02 phòng, 24 đàn oocgan, 02 đàn Pianô, 10 đàn ghi ta... Phòng học múa 01 phòng
- Thư viện trường có 5420 đầu sách tạp chí gồm: sách nghiệp vụ 10.168 cuốn, sách tham khảo 16 620 cuốn, trang bị được 100% số môn học đã có đủ giáo trình tài liệu học tập.

- Kí túc xá sinh viên gồm 02 nhà 5 tầng, 100 phòng.
- Nhà 7 điều hành, học thực hành 7 tầng (dự kiến bàn giao trong học kỳ I năm học 2023 - 2024).

- Trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo: Các phòng học chung và phòng nghiệp vụ của các khoa được trang bị đầy đủ trang thiết bị dạy học hiện đại và học liệu phục vụ dạy và học của HSSV (bàn ghế đạt chuẩn, máy chiếu đa năng, bảng tương tác thông minh, máy chiếu vật thể, tivi tương tác thông minh, bảng chống lóa, đèn, quạt...). Hệ thống kết nối mạng Internet, Wifi trong toàn trường.

(Biểu mẫu 19 kèm theo).

b) Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng xếp theo các khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỉ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi theo từng khối ngành.

(Biểu mẫu 20 kèm theo).

1.3. Công khai thu chi tài chính

* Về công khai tình hình tài chính:

- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh công khai tài chính gồm:

- Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 (Biểu số 2 - Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018)

- Công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2022 (Biểu số 4 - Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

- Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023. (Biểu số 3 - Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

- Công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023. (Biểu số 7 - Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

* Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học

(Biểu mẫu 21 kèm theo)

2. Hình thức và thời điểm công khai

2.1. Công khai trên trang thông tin điện tử của trường, gửi email cho các đơn vị vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Công khai trong hội nghị giao ban cốt cán đầu năm, hội nghị cán bộ công chức viên chức đầu năm học.

2.2. Niêm yết công khai tại các đơn vị đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2.3. Có các tài liệu in đầy đủ tại các khoa, bộ môn, trung tâm, đơn vị trực thuộc trường về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của đơn vị, sẵn sàng phục vụ nhu cầu nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và những người quan tâm. Các tài liệu được cập nhật thường xuyên, sẵn sàng phục vụ trong thời gian các khoa, bộ môn, trung tâm và đơn vị làm việc.

II. Kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023 - 2024

Trường CĐSP Bắc Ninh đã triển khai kế hoạch theo công văn số: 482/CĐSPBN-ĐT ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc báo cáo Quy chế công khai năm học 2022 - 2023 và kế hoạch triển khai Quy chế công khai năm học 2023 - 2024 (kèm theo).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website trường;
- Lưu VT, KHTV, ĐT.

 **HIỆU TRƯỞNG**
TS. Nguyễn Hữu Tuyên

Biểu mẫu 17

SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	LT chính quy	VB 2 chính quy		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh						Tiêu chí 1: Tốt nghiệp THPT Tiêu chí 2: Học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023)	
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được						Sinh viên sau khi học xong sẽ được trang bị những kiến cơ bản và nâng cao để có thể giảng dạy tại các cơ sở phổ thông trong và ngoài tỉnh; ngoài ra sinh viên còn được trang bị về lòng yêu nghề mến trẻ, thái độ làm việc nghiêm túc có trách nhiệm; sinh viên còn được trang bị kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm có thể đáp ứng được nhu cầu XH.	
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh						- Nhà trường luôn đề cao chất lượng dạy và học, luôn khuyến khích SV học tập tốt bằng nhiều hình thức như: học bổng, khen thưởng tuyên dương.	

	hoạt cho người học						- Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non được hưởng chế độ theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP, cụ thể sinh viên được hỗ trợ học phí và chi phí học tập.	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện						Giáo dục Mầm non	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường						Với lượng kiến thức được trang bị sau khi ra trường, SV hoàn toàn có thể học tiếp lên chương trình cao hơn bằng nhiều hình thức như: liên thông, chính quy, VLVH...	
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp						- Giáo viên đứng lớp, giáo viên chủ nhiệm lớp ở các cơ sở giáo dục mầm non. - Làm cán bộ, chuyên viên quản lý chuyên môn giáo dục mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non. - Làm việc ở các cơ quan, đơn vị có sử dụng đến kiến thức giáo dục mầm non. - Có thể được đào tạo thêm để làm công tác quản lý giáo dục mầm non và giảng dạy các bộ môn chuyên ngành giáo dục mầm non.	

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Hữu Tuyển

Biểu mẫu 18

SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Cao đẳng
Sư phạm Bắc Ninh năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I					641	212		
2	Khối ngành II					x	x	x	
3	Khối ngành III					x	x	x	
4	Khối ngành IV					x	x	x	
5	Khối ngành V					x	x	x	
6	Khối ngành VI					x	x	x	
7	Khối ngành VII					x	x	x	

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					

1	Khối ngành I	252				99.42%
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100%.

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành:

I. Các học phần chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non K41, K42, A11, A12

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh Mầm non 1	Giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, củng cố trình độ ngữ pháp, ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Nội dung ngữ pháp chủ yếu tập chung vào thì hiện tại và quá khứ. Nội dung từ vựng bao gồm cách sử dụng giới từ, mạo từ, phát triển vốn từ vựng theo các chủ đề quen thuộc. Sinh viên có thể sử dụng từ vựng ngữ pháp đã học để thực hành kỹ năng nghe nói, đọc viết theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày đáp ứng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.	2	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết+Trắc nghiệm. - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

					3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
2	Tiếng Anh Mầm non 2	Học phần gồm 3 bài (Unit 5, Unit 6 & Unit 8) của giáo trình English Explorer 3 và 1 bài (Unit 8) của giáo trình Life Lines – Pre-Intermediate với các nội dung nhằm ôn lại các kiến thức đã học ở phổ thông và tiếp nối mở rộng cách sử dụng của các thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, tương lai đơn, và các cấu trúc khác như câu điều kiện loại 1, 2; đại từ quan hệ; đưa lời khuyên, đề nghị; cấu trúc <i>used to</i>,... Đồng thời rèn kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề về bộ phận cơ thể người, gia đình, khoa học – công nghệ, đồ ăn – đồ uống, phương tiện giao thông, các mùa trong năm. Các tài liệu mở rộng phù hợp với trình độ cuối Elementary và đầu Pre-Intermediate cùng chủ đề, đặc biệt kỹ năng nghe nói.	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết + Trắc nghiệm- Thời gian: 60 phút 9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
3	CNTT & ứng dụng CNTT trong dạy học	Trang bị kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử, một số phần mềm thông dụng trên máy tính có ứng dụng trong dạy học: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn. Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về Internet và khai thác thông tin từ Internet, thư điện tử....	2	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm kiểm tra. - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm kiểm tra. * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 60 phút. 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu

					cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
4	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nắm được sự thống nhất của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên quan điểm duy vật về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
5	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên hiểu được những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối CM của ĐCS Việt Nam.	3	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

					- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giúp cho sinh viên nắm được nội dung cơ bản môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. - Hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày...	2	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo qui định về thi vấn đáp của Trường CĐSP Bắc Ninh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
7	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – Chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. - Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu...	3	V	1. Điểm trung bình kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số từng điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (Thời gian dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * Thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp 2. Điều kiện dự thi

					- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
8	Pháp luật đại cương	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước và pháp luật VN nói riêng. Từ đó SV vận dụng kiến thức đã học trong việc xử lí các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và cộng đồng dân cư...	2	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của trường 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
9	Quản lí hành chính nhà nước – Quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc quản lí nhà nước.	2	VI	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút

					2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
10	Giáo dục thể chất	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển TDTT Việt Nam; Những khái niệm cơ bản về: sức khỏe, thể chất và TDTT; Ý nghĩa, tác dụng của TDTT đối với con người; chấn thương và cách phòng ngừa trong tập luyện TDTT; Năm được chương trình GDTC trong trường CĐSP Bắc Ninh và những yêu cầu của môn học đối với sinh viên; Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản với các nội dung: đi, chạy ngắn, chạy trung bình và kỹ thuật bật xa, nhảy xa, đội hình đội ngũ, bài thể dục buổi sáng, bài thể dục vòng, kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao úp bụng, bài thể dục gậy, một số kỹ thuật môn bóng chuyền (hoặc môn Cầu lông), thực hiện được các quy định về kiểm tra đánh giá thể lực, đạt yêu cầu về kỹ thuật và thành tích khi kiểm tra và thi, đồng thời có kiến thức để tự rèn luyện cơ thể nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, biết vận dụng một số nội dung trong	2*	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Điểm kiểm tra thường xuyên: hệ số 1 (04 điểm) - Điểm kiểm tra định kì: hệ số 2 (02 điểm) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 03 phút/ 01 sinh viên 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ

		giảng dạy trẻ mầm non và tham gia thi đấu phong trào TĐTT.			
11	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước ta hiện nay để xây dựng niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất cách mạng và lý tưởng XHCN cho sinh viên .	3*	II	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
12	Công tác quốc phòng và an ninh	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng; về truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực t	2*	II	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

13	Quân sự chung	Trang bị cho SV kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng củng cố lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng tham gia lực lượng DQTV, Dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.	2*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + Một điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + Hai điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
14	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	a- Giúp cho người học nắm được lịch sử ra đời, phát triển, tổ chức biên chế, trang bị, nhiệm vụ, nguyên tắc sử dụng các quân, binh chủng trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng đồng thời củng cố niềm tin nâng cao ý thức trách nhiệm và vận dụng linh hoạt trong chiến đấu.	4*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + 2 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2

II. Kiến thức GD chuyên nghiệp

15	Tâm lý học mầm non	Phần 1: Tập trung trình bày một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản, đại cương về tâm lý con người, cụ thể: bản chất hiện tượng tâm lý, chức năng tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý. Phần 2: Học phần tâm lý học trẻ em. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về trình độ phát triển tâm lý trẻ em qua từng giai đoạn .	4	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp + Thời gian thi: Theo quy định. 9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang
----	--------------------	---	---	---	--

					điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
16	Giáo dục học đại cương	Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về: Khoa học giáo dục và giáo dục mầm non; Mục tiêu, nguyên tắc và xu thế phát triển giáo dục mầm non; Hệ thống một số phương pháp giáo dục sớm và những kiến thức về nghề giáo viên mầm non.	2	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp + Thời gian thi: Theo quy định. 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
17	Giáo dục học mầm non	Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về những vấn đề chung trong giáo dục học, giáo dục học mầm non: Nội dung, phương pháp, hình thức và các nhiệm vụ giáo dục cơ bản của trường mầm non. Đồng thời cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động giáo dục cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau trong trường mầm non. Quá trình chuẩn bị cho trẻ vào	4	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp + Thời gian thi: Theo quy định

		lớp 1.			2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
18	Tiếng Việt	Học phần gồm: Chương 1. Ngữ âm tiếng Việt: Khái niệm ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết, chính âm chính tả. Chương 2. Từ vựng tiếng Việt: Từ và đặc điểm của từ, cấu tạo từ tiếng Việt; một số vấn đề nghĩa của từ, các lớp từ vựng tiếng Việt, cụm từ cố định, một số phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại, câu, dấu câu, đoạn văn và văn bản.	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
19	Văn học	Học phần gồm 4 chương cung cấp và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thường thức về lí luận văn học, làm nền tảng tìm hiểu các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non; văn học dân gian Việt Nam; văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài với các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Học phần cung cấp cách thức	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm. - Kiểm tra định kì hệ số 2: 1 điểm * Thi kết thúc học phần (Trọng số 0.6): - Hình thức thi: Viết

		sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non. Nội dung chương trình gắn với chương trình mầm non hiện hành, mang tính thực tế rõ rệt.			- Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
20	Mỹ thuật và đồ chơi trẻ em	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật xa gần và tỉ lệ người, phương pháp vẽ theo mẫu, màu sắc, trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh họa. Sử dụng đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập đơn giản như: vẽ tỉ lệ người; vẽ theo mẫu; trang trí hình vuông; phóng tranh và minh họa tranh truyện. Hiểu được khái niệm, quy trình, kĩ thuật làm đồ chơi. Sinh viên bước đầu có khả năng vận dụng phối hợp được kiến thức về mỹ thuật và kiến thức về làm đồ chơi để hoàn thành một số sản phẩm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa, phế vật liệu, vật liệu thiên nhiên và vật liệu vải.	3	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết + Thực hành - Thời gian: 90 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần. - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm - Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
21	Âm nhạc	- Một số khái niệm về âm nhạc, về quãng, về thang âm, điệu thức, giọng và về hợp âm... - Tìm hiểu một số kí hiệu ghi chép nhạc thông thường như : Khuông khóa nhạc, nốt nhạc, một số kí hiệu	3	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần. * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm. - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm

		làm tăng cường độ các nốt nhạc... : 15tiết (1tín chỉ) - Đọc nhạc và hát những bài hát trong chương trình Mầm non: 30 tiết (2 tín chỉ). Trong đó gồm có 4 bài. Học phần này sinh viên được làm quen, thực hành đọc nhạc và hát một số lời bài hát trong chương trình giáo dục ở trường mầm non với các giọng như: Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng và La thứ, Rê thứ, Mi thứ			- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6) - Hình thức thi: Thực hành 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) được làm tròn đến hai chữ số thập phân,sau đó được chuyển thành điểm chữ.
22	Múa và dàn dựng múa	- Học phần gồm 2 chương với cấu trúc 2 phần : + Phần 1 : Giới thiệu về nghệ thuật múa và một số động tác múa cơ bản. + Phần 2 : Dàn dựng múa cho trẻ. - Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa, vai trò của vai trò của múa đối với việc giáo dục âm nhạc trong nhà trường mầm non. - Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy múa và vận động cho trẻ. - Thông qua những kiến thức, những kĩ năng có được ở môn học, SV biết vận dụng một cách sáng tạo những động tác múa, vận động vào các bài hát ở nhà trẻ và mẫu giáo.	2	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần. * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 10 phút/ 01 nhóm sinh viên. 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần. - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3.Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

23	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Học phần gồm 7 bài, bao gồm những kiến thức cơ bản về: các thời kì phát triển và các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển cơ thể trẻ em; đặc điểm sinh lí và vệ sinh; bảo vệ các hệ cơ quan (hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ vận động, hệ sinh dục, tuyến nội tiết, cơ quan phân tích, hệ thần kinh) của trẻ em lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở phân tích đặc điểm sinh lí của trẻ qua từng thời kì, chỉ ra những yêu cầu sư phạm cần thiết trong công tác nuôi dạy trẻ lứa tuổi mầm non.	2	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Thời gian dưới 30 phút. - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm - Thời gian 50 phút. * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
24	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Học phần gồm 7 chương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy trẻ phát triển ngôn ngữ; phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học; phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói.	2	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 7-10 phút/thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

					3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
25	Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với văn học	Học phần gồm 3 chương Chương 1. Phương pháp cho trẻ làm quen với văn học xoay quanh các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện; đặc biệt chú ý cung cấp các kiến thức và rèn cho sinh viên kỹ năng đọc và kể chuyện diễn cảm, chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản cho trẻ đóng kịch,... là một trong những kỹ năng quan trọng cần có của người giáo viên mầm non. Chương 2. Cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học: trang bị cho sinh viên các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện, từ đó vận dụng vào thiết kế góc văn học, thiết kế giáo án tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện trong chương trình mầm non. Chương 3. Hướng dẫn sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.	2	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kỳ (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): 01 - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 7-10 phút/thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
26	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non bao gồm: đặc điểm, nguyên tắc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non; Người học vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ các độ tuổi. Người học nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản về hình thành và phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non	4	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 - Kiểm tra định kỳ (hệ số 2): 2 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết. - Thời gian: 120 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề

		thông qua các chương trình Toán Finger Math, Toán Soroban và các bài tập toán tư duy phù hợp với từng độ tuổi.			cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
27	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	- Học phần gồm các nội dung về đặc điểm hình thành phát triển hoạt động tạo hình ở trẻ em. - Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em. - Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. - Các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình. - Các yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non. - Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại.	3	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần. - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm - Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
28	Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	- Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về vai trò của giáo dục của âm nhạc, đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc trong trường mầm non - Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc như: nghe nhạc, hát, múa, vận động, trò chơi.	3	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 02 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 02 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

		- Học phần giúp sinh viên nắm được các loại tiết học âm nhạc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc trong giờ chính khoá và giờ ngoại khoá. - Thực hành lập kế hoạch bài dạy , giảng tập			- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
29	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá môi trường xung quanh	Cung cấp những vấn đề lí luận cơ bản: một số khái niệm; ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá MTXQ; đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; cơ sở giáo dục học của việc tổ chức hoạt động khám phá MTXQ (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá MTXQ) Hướng dẫn người học cách lập kế hoạch, tổ chức hoạt động khám phá MTXQ thông qua sinh hoạt hàng ngày; hoạt động học có chủ đích; hoạt động vui chơi ở các độ tuổi mẫu giáo.	3	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: Theo quy định 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
30	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	Giúp người học hiểu biết về vị trí của hoạt động vui chơi ở trường mầm non; vai trò của giáo viên mầm non đối với hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; nắm được phân phối chương trình nội dung hoạt động vui chơi theo từng chủ đề phù hợp độ tuổi; thiết kế trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp với từng hoạt động gắn với từng chủ đề, độ tuổi của trẻ; tổ chức trò chơi, hoạt động vui	4	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

		chơi phù hợp lứa tuổi, chủ đề; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi; thiết kế phiếu đánh giá quá trình tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non; rèn luyện và phát triển khả năng đánh giá kỹ năng chơi của trẻ; cách tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non. Hướng dẫn người học vận dụng, lồng ghép các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới vào tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.			- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
31	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	giúp người học nắm được mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nội dung, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; nắm rõ các điều kiện và phương tiện đối với từng loại bài tập và hình thức giáo dục thể chất. Hướng dẫn sinh viên cách lập kế hoạch các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp lứa tuổi, chủ đề; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển vận động của trẻ thông qua các bài tập thể chất, quá trình tổ chức trò chơi vận động, hoạt động học thể dục, hội thể dục thể thao của giáo viên mầm non;	3	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
32	Phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về phát triển chương trình giáo dục mầm non (GDMN) phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự thay đổi của bậc học mầm non. Dự báo sự thay đổi của chương trình giáo dục mầm non trong nước và	3	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm

		trên thế giới. Vận dụng kiến thức đã học lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non, lập kế hoạch tiếp cận sự kiện và chương trình phát sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn và tiếp cận với các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới; thành thực trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.			* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
33	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Học phần gồm có 05 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ em. Từ đó giúp sinh viên có thể áp dụng vào việc tổ chức phòng bệnh, đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn, phát hiện bệnh sớm, xử lí bước đầu và chăm sóc khi trẻ bị ốm, bị tai nạn. Đồng thời, sinh viên được trang bị kiến thức, kĩ năng về giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non hiện nay.	2	VI	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
34	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	Học phần Vệ sinh – Dinh dưỡng được cấu trúc thành 02 phần với 05 chương - Phần 1: Vệ sinh gồm có 02 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non; vệ sinh chăm sóc trẻ ở	3	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

		trường mầm non (nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non). - Phần 2: Dinh dưỡng gồm có 03 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý đối với trẻ; năng lượng và các chất cần thiết đối với cơ thể trẻ; cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng và an toàn vệ sinh thực phẩm; cách thức xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe theo hướng tích hợp cho trẻ theo lứa tuổi ở trường mầm non.			- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm <i>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
35	Quản lý và Đánh giá trong giáo dục mầm non	Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Nghiệp vụ quản lý trường mầm non, quản lý nhóm/lớp, trẻ mầm non... Từ đó giúp người học vận dụng vào thực tiễn để quản lý và xử lý các tình huống có thể gặp trong quản lý trường mầm non và công tác quản lý chăm sóc giáo dục trẻ. Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. Vận dụng kiến thức đã học thiết kế phiếu đánh giá, tìm minh chứng tiến hành đánh giá và xử lý kết quả đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.	3	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: <i>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm <i>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ

36	Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường	Bao gồm các cơ sở lí luận chung về giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non. Nội dung, phương pháp và cách tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
37	Nhạc cụ	- Giới thiệu sơ lược về đàn phím điện tử (Organ) - Tư thế ngồi tập đàn - Một số kĩ thuật luyện gam cơ bản, bài luyện gam các giọng - Cách soạn hợp âm và tập đệm một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non - Cách lấy nhạc, tiết tấu, âm sắc, các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4	2*	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): Thực hành đàn 01 bài hát trong chương trình GDMN. - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 3 - 5 phút / 01 sinh viên 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

38	Tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	Cung cấp cho sinh viên hiểu tích hợp là gì, mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non (GDMN) theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non. Các nội dung, hình thức tích hợp khi tổ chức các hoạt động ở mầm non. Các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Giới thiệu một số hoạt động tích hợp phát triển thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm - kỹ năng xã hội, ngôn ngữ cho trẻ mầm non, dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non. Vận dụng cơ sở lý luận đã học lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động trong chương trình GDMN theo hướng tích hợp.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
39	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	Học phần “ Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1” bao gồm: Những vấn đề cơ bản về hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1; phiếu đánh giá hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
40	Nghề giáo viên mầm non	Học phần “Nghề giáo viên mầm non” cung cấp cho sinh viên cao đẳng sự phạm mầm non nhiệm vụ, quyền hạn và những điều không được làm của người giáo viên mầm non; các kỹ năng nghề cụ thể về nghiệp vụ chăm sóc,	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):

		giảng dạy; quá trình thanh tra toàn diện người giáo viên mầm non; tự đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; chế độ lương, phụ cấp, bảo hiểm....của giáo viên mầm non; tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.			- Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
41	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cao đẳng sư phạm mầm non mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; hiểu rõ đặc điểm thực hiện hành vi văn hóa của trẻ theo từng lứa tuổi từ đó xác định nhiệm vụ, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đạt hiệu quả; thiết kế các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ; thiết kế trang trí lớp, góc hoạt động, bảng tuyên truyền....giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non phù hợp chủ đề, lứa tuổi của trẻ; bước đầu biết đánh giá hành vi văn hóa của trẻ mầm non.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
42	Phát triển tư duy toán học cho trẻ Mầm non	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng để xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Toán Finger Math và Toán Soroban phù hợp với từng độ tuổi trẻ mầm non; Người học biết cách lựa chọn nội dung, thiết kế và sử dụng các bài tập toán tư duy phù hợp với các độ tuổi của trẻ mầm non.	2*	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết. - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm

					tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
43	Trang trí trường, lớp mầm non	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về trang trí ứng dụng; Nét, mảng và màu sắc; Trang trí đường diềm; Gấp cắt chữ cái và chữ số; Trang trí trường, lớp mầm non; Trang trí sân khấu (hội trường); Trang trí theo chủ đề tết. Sử dụng các kiến thức về đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập phác thảo đơn giản cho trang trí trường, lớp mầm non như: Vẽ tranh tường; Trang trí diềm tường; Cắt chữ cái, chữ số; Trang trí hành lang, cửa, góc lớp...sân khấu (hội trường) và trang trí theo chủ đề tết.	2*	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết + Thực hành - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được qui định trong đề cương chi tiết học phần. - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
44	Thể dục nhịp điệu	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được ý nghĩa, tác dụng của môn thể dục nhịp điệu trong việc rèn luyện sức khỏe hằng ngày, hình thành thói quen luyện tập TDTT thường xuyên. Trang bị cho sinh viên 7 động tác thể dục nhịp điệu cơ bản: điểu hành, chạy bộ, nhảy co duỗi, nâng gối, đá cao, bật dạng chân, bật ép dọc chân; Phối hợp giữa 7 động tác cơ bản với tư thế của	2*	III	- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 điểm (hệ số 1) (Trọng số 40%) - Điểm kiểm tra định kì: 02 điểm (hệ số 2) (Trọng số 60%) - Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì: Thực hành. * Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học thực hành, các yêu cầu của học phần

		tay và thân người; Đội hình và xếp tháp; Kết hợp với âm nhạc để tập luyện và dàn dựng biểu diễn 01 bài thể dục nhịp điệu.			và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. - Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.
45	Âm nhạc truyền thống địa phương	Học phần gồm 2 tín chỉ trong đó có 18 tiết lí thuyết và 12 tiết thực hành, ngoài phần mở đầu tìm hiểu đối tượng, phương pháp truyền dạy, ý nghĩa của học phần, nội dung môn học gồm 2 chương và 6 bài giúp người học nắm được vai trò của giáo dục âm nhạc truyền thống Quan họ, tìm hiểu chương trình âm nhạc Quan họ, đặc điểm khả năng âm nhạc, tiếp thu văn hóa âm nhạc Quan họ, biết được các phương pháp dạy hát và dạy biểu diễn, biết thực hành hát ở các giọng lẻ lối và giọng vật, biết biểu diễn theo phong cách, lẻ lối Quan họ.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Thực hành hát Quan họ - Thời gian: 5 phút/1 sinh viên b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
46	Thực tập sư phạm 1	Điều kiện tiên quyết: Các học phần Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non; Vệ sinh - Dinh dưỡng. Tham gia các hệ thống rèn luyện những kĩ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lí và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lí và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của	2	IV	Toàn bộ nội dung đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung. Từng mặt hoạt động trong một nội dung.

		ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.			
47	Thực tập sư phạm 2	Sinh viên thực hành như một GVMN tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các động chăm sóc, giáo dục trẻ.	4	VI	Toàn bộ nội dung các đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung.
48	Các môn lý luận chính trị	Môn thi tốt nghiệp để xét điều kiện tốt nghiệp: Thời lượng đề thi tương đương học phần 03 tín chỉ			
49	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận của việc tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non: khái niệm, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, cách bố trí, sắp xếp, quy trình thiết kế môi trường hoạt động.... Vận dụng lý luận đã học thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho các hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời trong chương trình giáo dục mầm non và điều kiện thực tế ở từng trường mầm non	2	VI	a. Điểm thi kết thúc học phần (trọng số 100%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần được quy định trong chương trình môn học, học phần;
50	Giáo dục hòa nhập và hoạt động	Phần I: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập (GDHN), các quan điểm, bản	3	VI	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là

	trải nghiệm	chất và những tích cực của giáo dục hòa nhập. Nội dung, nguyên tắc, cách thực hiện và đánh giá trong giáo dục hòa nhập. Từ đó tạo môi trường, mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong cộng đồng. Phần II: Bao gồm hệ thống lý luận về hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho trẻ mầm non, nội dung và hình thức tổ chức. Hướng dẫn quy trình và thiết kế HĐTN cụ thể theo các dạng hoạt động phù hợp với trẻ mầm non.		trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 0 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 0 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Viết + Thời gian thi: 90 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
--	-------------	--	--	--

II. Các học phần chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non K43, A13

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh Mầm non 1	Giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, củng cố trình độ ngữ pháp, ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Nội dung ngữ pháp chủ yếu tập chung vào thì hiện tại và quá khứ. Nội dung từ vựng bao gồm cách sử dụng giới từ, mạo từ, phát triển vốn từ vựng theo các chủ đề quen thuộc. Sinh viên có thể sử dụng từ vựng ngữ pháp đã học để	2	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết+Trắc nghiệm. - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu

		thực hành kỹ năng nghe nói, đọc viết theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày đáp ứng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.			cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
2	Tiếng Anh Mầm non 2	Học phần gồm 3 bài (Unit 5, Unit 6 & Unit 8) của giáo trình English Explorer 3 và 1 bài (Unit 8) của giáo trình Life Lines – Pre-Intermediate với các nội dung nhằm ôn lại các kiến thức đã học ở phổ thông và tiếp nối mở rộng cách sử dụng của các thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, tương lai đơn, và các cấu trúc khác như câu điều kiện loại 1, 2; đại từ quan hệ; đưa lời khuyên, đề nghị; cấu trúc <i>used to</i> ,... Đồng thời rèn kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề về bộ phận cơ thể người, gia đình, khoa học – công nghệ, đồ ăn – đồ uống, phương tiện giao thông, các mùa trong năm. Các tài liệu mở rộng phù hợp với trình độ cuối Elementary và đầu Pre-Intermediate cùng chủ đề, đặc biệt kỹ năng nghe nói.	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết + Trắc nghiệm- Thời gian: 60 phút 9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
3	CNTT & ứng dụng CNTT trong dạy học	Trang bị kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử, một số phần mềm thông dụng trên máy tính có ứng dụng trong dạy học: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn. Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về Internet và khai thác	2	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm kiểm tra. - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm kiểm tra. * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):

		thông tin từ Internet, thư điện tử....			- Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 60 phút. 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
4	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nắm được sự thống nhất của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên quan điểm duy vật về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên hiểu được những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối CM của ĐCS Việt Nam.	3	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giúp cho sinh viên nắm được nội dung cơ bản môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. - Hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày...	2	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo qui định về thi vấn đáp của Trường CĐSP Bắc Ninh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó

					được chuyển thành điểm chữ
7	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – Chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. - Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu...	3	V	1. Điểm trung bình kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số từng điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (Thời gian dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * Thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp 2. Điều kiện dự thi - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
8	Pháp luật đại cương	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước và pháp luật VN nói riêng. Từ đó SV vận dụng kiến thức đã học trong việc xử lí các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và cộng đồng dân cư...	2	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Vấn đáp - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của trường 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

9	Quản lý hành chính nhà nước – Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc quản lý nhà nước.	2	VI	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút) - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
10	Giáo dục thể chất	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển TDTT Việt Nam; Những khái niệm cơ bản về: sức khỏe, thể chất và TDTT; Ý nghĩa, tác dụng của TDTT đối với con người; chấn thương và cách phòng ngừa trong tập luyện TDTT; Nắm được chương trình GDTC trong trường CĐSP Bắc Ninh và những yêu cầu của môn học đối với sinh viên; Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản với các nội dung: đi, chạy ngắn, chạy trung bình và kỹ thuật bật xa, nhảy xa, đội hình đội ngũ, bài thể dục buổi sáng, bài thể dục vòng, kỹ thuật nhảy dây ngắn;	2*	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Điểm kiểm tra thường xuyên: hệ số 1 (04 điểm) - Điểm kiểm tra định kì: hệ số 2 (02 điểm) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 03 phút/ 01 sinh viên 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ

		Nhảy cao úp bụng, bài thể dục gây, một số kĩ thuật môn bóng chuyền (hoặc môn Cầu lông), thực hiện được các quy định về kiểm tra đánh giá thể lực, đạt yêu cầu về kĩ thuật và thành tích khi kiểm tra và thi, đồng thời có kiến thức để tự rèn luyện cơ thể nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, biết vận dụng một số nội dung trong giảng dạy trẻ mầm non và tham gia thi đấu phong trào TDTT.			
11	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước ta hiện nay để xây dựng niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất cách mạng và lý tưởng XHCN cho sinh viên .	3*	II	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
12	Công tác quốc phòng và an ninh	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng; về truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “điễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực t	2*	II	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra

					thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
13	Quân sự chung	Trang bị cho SV kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng củng cố lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng tham gia lực lượng DQTV, Dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.	2*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + Một điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + Hai điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
14	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	a- Giúp cho người học nắm được lịch sử ra đời, phát triển, tổ chức biên chế, trang bị, nhiệm vụ, nguyên tắc sử dụng các quân, binh chủng trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng đồng thời củng cố niềm tin nâng cao ý thức trách nhiệm và vận dụng linh hoạt trong chiến đấu.	4*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + 2 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2

II. Kiến thức GD chuyên nghiệp

15	Tâm lý học mầm non	Phần 1: Tập trung trình bày một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản, đại cương về tâm lý con người, cụ thể: bản chất hiện tượng tâm lý, chức năng tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý. Phần 2: Học phần tâm lý học trẻ em. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về trình độ phát	4	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp + Thời gian thi: Theo quy định.
----	--------------------	---	---	---	---

		triển tâm lí trẻ em qua từng giai đoạn .			9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
16	Giáo dục học đại cương	Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về: Khoa học giáo dục và giáo dục mầm non; Mục tiêu, nguyên tắc và xu thế phát triển giáo dục mầm non; Hệ thống một số phương pháp giáo dục sớm và những kiến thức về nghề giáo viên mầm non.	2	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp + Thời gian thi: Theo quy định. 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
17	Giáo dục học mầm non	Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về những vấn đề chung trong giáo dục học, giáo dục học mầm non: Nội dung, phương pháp, hình thức và các nhiệm vụ giáo dục cơ bản của trường mầm non. Đồng thời cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động giáo dục cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau trong trường mầm	4	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp

		non. Quá trình chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.			+ Thời gian thi: Theo quy định 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
18	Tiếng Việt	Học phần gồm: Chương 1. Ngữ âm tiếng Việt: Khái niệm ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết, chính âm chính tả. Chương 2. Từ vựng tiếng Việt: Từ và đặc điểm của từ, cấu tạo từ tiếng Việt; một số vấn đề nghĩa của từ, các lớp từ vựng tiếng Việt, cụm từ cố định, một số phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại, câu, dấu câu, đoạn văn và văn bản.	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

19	Văn học	Học phần gồm 4 chương cung cấp và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thường thức về lí luận văn học, làm nền tảng tìm hiểu các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non; văn học dân gian Việt Nam; văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài với các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Học phần cung cấp cách thức sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non. Nội dung chương trình gắn với chương trình mầm non hiện hành, mang tính thực tế rõ rệt.	2	II	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm. - Kiểm tra định kì hệ số 2: 1 điểm * Thi kết thúc học phần (Trọng số 0.6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
20	Mỹ thuật và đồ chơi trẻ em	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật xa gần và tỉ lệ người, phương pháp vẽ theo mẫu, màu sắc, trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh họa. Sử dụng đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập đơn giản như: vẽ tỉ lệ người; vẽ theo mẫu; trang trí hình vuông; phóng tranh và minh họa tranh truyện. Hiểu được khái niệm, quy trình, kĩ thuật làm đồ chơi. Sinh viên bước đầu có khả năng vận dụng phối hợp được kiến thức về mỹ thuật và kiến thức về làm đồ chơi để hoàn thành một số sản phẩm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa, phế vật liệu, vật liệu thiên nhiên và vật liệu vải.	3	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết + Thực hành - Thời gian: 90 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần. - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm

					- Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
21	Âm nhạc	- Một số khái niệm về âm nhạc, về quãng, về thang âm, điệu thức, giọng và về hợp âm... - Tìm hiểu một số kí hiệu ghi chép nhạc thông thường như : Khuông khóa nhạc, nốt nhạc, một số kí hiệu làm tăng cường độ các nốt nhạc... : 15tiết (1tín chỉ) - Đọc nhạc và hát những bài hát trong chương trình Mầm non: 30 tiết (2 tín chỉ). Trong đó gồm có 4 bài. Học phần này sinh viên được làm quen, thực hành đọc nhạc và hát một số lời bài hát trong chương trình giáo dục ở trường mầm non với các giọng như: Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng và La thứ, Rê thứ, Mi thứ	3	II	1.Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần. *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm. - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6) - Hình thức thi: Thực hành 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) được làm tròn đến một chữ số thập phân,sau đó được chuyển thành điểm chữ.
22	Múa và dàn dựng múa	- Học phần gồm 2 chương với cấu trúc 2 phần : + Phần 1 : Giới thiệu về nghệ thuật múa và một số động tác múa cơ bản. + Phần 2 : Dàn dựng múa cho trẻ. - Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa, vai trò của vai trò của múa đối với việc giáo dục âm nhạc trong nhà trường mầm non. - Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy múa và vận động cho trẻ. - Thông qua những kiến thức, những kĩ năng có được ở môn học, SV biết	2	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần. * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 10 phút/ 01 nhóm sinh viên. 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần. - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn

		vận dụng một cách sáng tạo những động tác múa, vận động vào các bài hát ở nhà trẻ và mẫu giáo.			4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
23	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Học phần gồm 7 bài, bao gồm những kiến thức cơ bản về: các thời kì phát triển và các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển cơ thể trẻ em; đặc điểm sinh lí và vệ sinh; bảo vệ các hệ cơ quan (hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ vận động, hệ sinh dục, tuyến nội tiết, cơ quan phân tích, hệ thần kinh) của trẻ em lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở phân tích đặc điểm sinh lí của trẻ qua từng thời kì, chỉ ra những yêu cầu sư phạm cần thiết trong công tác nuôi dạy trẻ lứa tuổi mầm non.	2	I	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Thời gian dưới 30 phút. - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm - Thời gian 50 phút. * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
24	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Học phần gồm 7 chương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy trẻ phát triển ngôn ngữ; phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học; phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói.	2	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 7-10 phút/thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm

					tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
25	Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với văn học	Học phần gồm 3 chương Chương 1. Phương pháp cho trẻ làm quen với văn học xoay quanh các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện; đặc biệt chú ý cung cấp các kiến thức và rèn cho sinh viên kĩ năng đọc và kể chuyện diễn cảm, chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản cho trẻ đóng kịch,... là một trong những kĩ năng quan trọng cần có của người giáo viên mầm non. Chương 2. Cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học: trang bị cho sinh viên các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện, từ đó vận dụng vào thiết kế góc văn học, thiết kế giáo án tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện trong chương trình mầm non. Chương 3. Hướng dẫn sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.	2	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): 01 - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 7-10 phút/thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
26	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non bao gồm: đặc điểm, nguyên tắc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non; Người học vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động hình thành các biểu tượng toán	4	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết. - Thời gian: 120 phút

		cho trẻ các độ tuổi. Người học nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản về hình thành và phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non thông qua các chương trình Toán Finger Math, Toán Soroban và các bài tập toán tư duy phù hợp với từng độ tuổi.			2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
27	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	- Học phần gồm các nội dung về đặc điểm hình thành phát triển hoạt động tạo hình ở trẻ em. - Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em. - Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. - Các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình. - Các yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non. - Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại.	3	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 90 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần. - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm - Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
28	Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	- Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về vai trò của giáo dục của âm nhạc, đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc trong trường mầm non	3	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 02 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 02 điểm

		- Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc như: nghe nhạc, hát, múa, vận động, trò chơi. - Học phần giúp sinh viên nắm được các loại tiết học âm nhạc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc trong giờ chính khoá và giờ ngoại khoá. - Thực hành lập kế hoạch bài dạy , giảng tập			* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
29	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá môi trường xung quanh	Cung cấp những vấn đề lí luận cơ bản: một số khái niệm; ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá MTXQ; đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; cơ sở giáo dục học của việc tổ chức hoạt động khám phá MTXQ (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá MTXQ) Hướng dẫn người học cách lập kế hoạch, tổ chức hoạt động khám phá MTXQ thông qua sinh hoạt hàng ngày; hoạt động học có chủ đích; hoạt động vui chơi ở các độ tuổi mẫu giáo.	3	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: Theo quy định 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
30	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	Giúp người học hiểu biết về vị trí của hoạt động vui chơi ở trường mầm non; vai trò của giáo viên mầm non đối với hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; nắm được phân phối chương trình nội dung hoạt động vui chơi theo từng chủ	4	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm

		đề phù hợp độ tuổi; thiết kế trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp với từng hoạt động gắn với từng chủ đề, độ tuổi của trẻ; tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp lứa tuổi, chủ đề; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi; thiết kế phiếu đánh giá quá trình tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non; rèn luyện và phát triển khả năng đánh giá kỹ năng chơi của trẻ; cách tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non. Hướng dẫn người học vận dụng, lồng ghép các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới vào tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.			- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
31	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	giúp người học nắm được mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nội dung, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; nắm rõ các điều kiện và phương tiện đối với từng loại bài tập và hình thức giáo dục thể chất. Hướng dẫn sinh viên cách lập kế hoạch các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp lứa tuổi, chủ đề; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển vận động của trẻ thông qua các bài tập thể chất, quá trình tổ chức trò chơi vận động, hoạt động học thể dục, hội thể dục thể thao của giáo viên mầm non;	3	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
32	Phát triển và tổ chức thực hiện	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	IV	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là

	Chương trình Giáo dục mầm non	(GDMN) phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự thay đổi của bậc học mầm non. Dự báo sự thay đổi của chương trình giáo dục mầm non trong nước và trên thế giới. Vận dụng kiến thức đã học lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non, lập kế hoạch tiếp cận sự kiện và chương trình phát sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn và tiếp cận với các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới; thành thực trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.			trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm <i>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Văn đáp - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
33	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Học phần gồm có 05 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ em. Từ đó giúp sinh viên có thể áp dụng vào việc tổ chức phòng bệnh, đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn, phát hiện bệnh sớm, xử lí bước đầu và chăm sóc khi trẻ bị ốm, bị tai nạn. Đồng thời, sinh viên được trang bị kiến thức, kĩ năng về giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non hiện nay.	2	VI	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: <i>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm <i>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Văn đáp - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
34	Vệ sinh - Dinh dưỡng	Học phần Vệ sinh – Dinh dưỡng được cấu trúc thành 02 phần với 05 chương	3	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

	cho trẻ mầm non	- Phần 1: Vệ sinh gồm có 02 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non; vệ sinh chăm sóc trẻ ở trường mầm non (nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non). - Phần 2: Dinh dưỡng gồm có 03 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý đối với trẻ; năng lượng và các chất cần thiết đối với cơ thể trẻ; cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng và an toàn vệ sinh thực phẩm; cách thức xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe theo hướng tích hợp cho trẻ theo lứa tuổi ở trường mầm non.			* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
35	Quản lý và Đánh giá trong giáo dục mầm non	Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Nghiệp vụ quản lý trường mầm non, quản lý nhóm/lớp, trẻ mầm non... Từ đó giúp người học vận dụng vào thực tiễn để quản lý và xử lý các tình huống có thể gặp trong quản lý trường mầm non và công tác quản lý chăm sóc giáo dục trẻ. Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. Vận dụng kiến thức đã học thiết kế phiếu đánh giá, tìm minh chứng tiến hành đánh giá và xử lý kết quả đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo	3	V	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành - Thời gian: 5 phút/ thí sinh 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang

		viên mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.			điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
36	Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường	Bao gồm các cơ sở lí luận chung về giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non. Nội dung, phương pháp và cách tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
37	Nhạc cụ	- Giới thiệu sơ lược về đàn phím điện tử (Organ) - Tư thế ngồi tập đàn - Một số kĩ thuật luyện gam cơ bản, bài luyện gam các giọng - Cách soạn hợp âm và tập đệm một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non - Cách lấy nhạc, tiết tấu, âm sắc, các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4	2*	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): Thực hành đàn 01 bài hát trong chương trình GDMN. - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 3 - 5 phút / 01 sinh viên 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

38	Tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	Cung cấp cho sinh viên hiểu tích hợp là gì, mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non (GDMN) theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non. Các nội dung, hình thức tích hợp khi tổ chức các hoạt động ở mầm non. Các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Giới thiệu một số hoạt động tích hợp phát triển thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm - kỹ năng xã hội, ngôn ngữ cho trẻ mầm non, dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non. Vận dụng cơ sở lý luận đã học lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động trong chương trình GDMN theo hướng tích hợp.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
39	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	Học phần “ Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1” bao gồm: Những vấn đề cơ bản về hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1; phiếu đánh giá hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
40	Nghề giáo viên mầm non	Học phần “Nghề giáo viên mầm non” cung cấp cho sinh viên cao đẳng sự phạm mầm non nhiệm vụ, quyền hạn và những điều không được làm của người giáo viên mầm non; các kỹ năng nghề cụ thể về nghiệp vụ chăm sóc,	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):

		giảng dạy; quá trình thanh tra toàn diện người giáo viên mầm non; tự đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; chế độ lương, phụ cấp, bảo hiểm....của giáo viên mầm non; tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.			- Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
41	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cao đẳng sư phạm mầm non mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non; hiểu rõ đặc điểm thực hiện hành vi văn hoá của trẻ theo từng lứa tuổi từ đó xác định nhiệm vụ, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ đạt hiệu quả; thiết kế các hoạt động giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ; thiết kế trang trí lớp, góc hoạt động, bảng tuyên truyền....giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non phù hợp chủ đề, lứa tuổi của trẻ; bước đầu biết đánh giá hành vi văn hoá của trẻ mầm non.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
42	Phát triển tư duy toán học cho trẻ Mầm non	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng để xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Toán Finger Math và Toán Soroban phù hợp với từng độ tuổi trẻ mầm non; Người học biết cách lựa chọn nội dung, thiết kế và sử dụng các bài tập toán tư duy phù hợp với các độ tuổi của trẻ mầm non.	2*	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết. - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm

					tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
43	Trang trí trường, lớp mầm non	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về trang trí ứng dụng; Nét, mảng và màu sắc; Trang trí đường diềm; Gấp cắt chữ cái và chữ số; Trang trí trường, lớp mầm non; Trang trí sân khấu (hội trường); Trang trí theo chủ đề tết. Sử dụng các kiến thức về đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập phác thảo đơn giản cho trang trí trường, lớp mầm non như: Vẽ tranh tường; Trang trí diềm tường; Cắt chữ cái, chữ số; Trang trí hành lang, cửa, góc lớp...sân khấu (hội trường) và trang trí theo chủ đề tết.	2*	III	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 1 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết + Thực hành - Thời gian: 60 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được qui định trong đề cương chi tiết học phần. - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
44	Thể dục nhịp điệu	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được ý nghĩa, tác dụng của môn thể dục nhịp điệu trong việc rèn luyện sức khỏe hằng ngày, hình thành thói quen luyện tập TDTT thường xuyên. Trang bị cho sinh viên 7 động tác thể dục nhịp điệu cơ bản: diễu hành, chạy bộ, nhảy co duỗi, nâng gối, đá cao, bật dạng chân, bật ép dọc chân; Phối hợp giữa 7 động tác cơ bản với tư thế của	2*	III	- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 điểm (hệ số 1) (Trọng số 40%) - Điểm kiểm tra định kì: 02 điểm (hệ số 2) (Trọng số 60%) - Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì: Thực hành. * Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau: - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học thực hành, các yêu cầu của học phần và có

		tay và thân người; Đội hình và xếp tháp; Kết hợp với âm nhạc để tập luyện và dàn dựng biểu diễn 01 bài thể dục nhịp điệu.			đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. - Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.
45	Âm nhạc truyền thống địa phương	Học phần gồm 2 tín chỉ trong đó có 18 tiết lí thuyết và 12 tiết thực hành, ngoài phần mở đầu tìm hiểu đối tượng, phương pháp truyền dạy, ý nghĩa của học phần, nội dung môn học gồm 2 chương và 6 bài giúp người học nắm được vai trò của giáo dục âm nhạc truyền thống Quan họ, tìm hiểu chương trình âm nhạc Quan họ, đặc điểm khả năng âm nhạc, tiếp thu văn hóa âm nhạc Quan họ, biết được các phương pháp dạy hát và dạy biểu diễn, biết thực hành hát ở các giọng lẻ lối và giọng vật, biết biểu diễn theo phong cách, lẻ lối Quan họ.	2*	III	a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần: * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Thực hành hát Quan họ - Thời gian: 5 phút/1 sinh viên b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
46	Thực tập sư phạm 1	Điều kiện tiên quyết: Các học phần Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non; Vệ sinh - Dinh dưỡng. Tham gia các hệ thống rèn luyện những kĩ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lí và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lí và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của	2	IV	Toàn bộ nội dung đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung. Từng mặt hoạt động trong một nội dung.

		ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.			
47	Thực tập sư phạm 2	Sinh viên thực hành như một GVMN tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các động chăm sóc, giáo dục trẻ.	4	VI	Toàn bộ nội dung các đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung.
48	Các môn lý luận chính trị	Môn thi tốt nghiệp để xét điều kiện tốt nghiệp: Thời lượng đề thi tương đương học phần 03 tín chỉ			
49	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận của việc tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non: khái niệm, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, cách bố trí, sắp xếp, quy trình thiết kế môi trường hoạt động.... Vận dụng lý luận đã học thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho các hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời trong chương trình giáo dục mầm non và điều kiện thực tế ở từng trường mầm non	2	VI	a. Điểm thi kết thúc học phần (trọng số 100%): - Hình thức thi: Viết - Thời gian: 60 phút b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần được quy định trong chương trình môn học, học phần;
50	Giáo dục hòa nhập và hoạt động trải nghiệm	Phần I: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập (GDHN), các quan điểm, bản chất và những tích cực của giáo dục	3	VI	1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần: * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên,

	hòa nhập. Nội dung, nguyên tắc, cách thực hiện và đánh giá trong giáo dục hòa nhập. Từ đó tạo môi trường, mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong cộng đồng. Phần II: Bao gồm hệ thống lý luận về hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho trẻ mầm non, nội dung và hình thức tổ chức. Hướng dẫn quy trình và thiết kế HĐTN cụ thể theo các dạng hoạt động phù hợp với trẻ mầm non.		định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 0 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 0 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Viết + Thời gian thi: 90 phút 2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. 3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
--	--	--	---

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn:

1. Thống kê các giáo trình, tài liệu đã biên soạn trong năm 2022-2023

1.1. Các giáo trình, tài liệu nhà trường nghiệm thu năm học 2022-2023

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm nghiệm thu	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn dạy học chủ đề Bảo vệ môi trường trong Tài liệu Giáo dục địa phương Tỉnh Bắc Ninh lớp 10. Tác giả: Chủ biên: TS. Đặng Thị Thanh Mai	2023	Hội đồng Khoa học Trường nghiệm thu, thông báo kết quả và ra QĐ công nhận và chuyển giao sản phẩm khảo học năm học 2022 - 2023 theo Quyết định số 166/QĐ-CĐSPBN ngày 16/5/2023.
2	Tài liệu học tập: Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường. Tác giả: Ths.Lưu Thị Thanh Hương; Ths. Bùi Thị Thu Thủy	2023	

1.2. Các giáo trình, tài liệu đã công bố, xuất bản trong năm học 2022-2023

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
	Không	Không	Không	Không	

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
	Không	Không	Không	Không

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

*** Công khai thông tin về các hoạt động chuyển giao công nghệ năm 2022 - 2023**

Các ĐTKH/TLHT được nghiệm thu năm học 2021-2022 đã được chuyển giao cho các đối tác/đơn vị trong Trường CĐSP Bắc Ninh sử dụng từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023. Tổng cộng có 14 ĐTKH và 02 TLHT đã được chuyển giao và đánh giá đạt yêu cầu, cụ thể trong bảng dưới:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Thiết kế hoạt động dạy học một số bài Lịch sử trong môn Lịch sử - Địa lí lớp 6 theo hướng phát triển năng lực cho học sinh.	ThS. Phan Thị Hiền	Trường THCS trên địa bàn Tỉnh BN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	- Bản thiết kế các hoạt động dạy học một số bài Lịch sử trong môn Lịch sử - Địa lí lớp 6 theo hướng phát triển năng lực cho học sinh. - Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học môn Lịch sử của GV và HS. - HS có hứng thú, chủ động trong học tập Lịch sử địa phương.
2	Hướng dẫn giảng dạy một số bài học về truyền thống, văn	ThS. Nguyễn Thị Huế	Trường THCS trên địa bàn Tỉnh BN	Từ tháng 8/2022 đến	NSNN	- Tài liệu Hướng dẫn giảng dạy một số bài học về

	hóa trong Tài liệu <i>Giáo dục địa phương lớp 6 tỉnh Bắc Ninh</i> .	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung		tháng 5/2023		truyền thống, văn hóa trong Tài liệu <i>Giáo dục địa phương lớp 6 tỉnh Bắc Ninh</i> . - Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học của GV và HS. - HS có hứng thú, chủ động trong học tập các bài học về truyền thống văn hóa của địa phương.
3	Tích hợp tư liệu bài giảng trong dạy học học phần <i>Phương pháp cho trẻ làm quen với Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CDSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Nguyệt	GV tổ Ngữ văn và SV ngành GDMN - Trường CDSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>“Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với văn học”</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
4	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung <i>“Văn học thiếu nhi”</i> trong dạy học học phần <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CDSP Bắc Ninh.	TS. Nguyễn Thị Thắng	GV tổ Ngữ văn và SV ngành GDMN - Trường CDSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>“Văn học”</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
5	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung <i>“Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt”</i> và <i>“Hình thành phát triển vốn từ cho trẻ”</i> trong dạy học học phần <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CDSP Bắc Ninh.	ThS. Ngô Thị Lanh	GV tổ Ngữ văn và SV ngành GDMN - Trường CDSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>“Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non”</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
6	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung <i>“Chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở trường Tiểu học”</i> trong dạy học học phần <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CDSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Thiêm	GV tổ Ngữ văn và SV ngành GDMN - Trường CDSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy nội dung <i>“Chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở trường Tiểu học”</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

7	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung “ Văn học dân gian Việt Nam” trong dạy học phần <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Vương Hồng Nhung	GV tổ Ngữ văn và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy nội dung “Văn học dân gian Việt Nam” trong HP <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
8	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung “Ngữ âm tiếng Việt” và “Từ vựng tiếng Việt” trong dạy học học phần <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Phùng Thị Hiền	GV tổ Ngữ văn và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy nội dung “Ngữ âm tiếng Việt” và “Từ vựng tiếng Việt” trong HP <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
9	Xây dựng nguồn học liệu cho dạy học trực tuyến học phần <i>Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh.</i>	ThS. Trần Thị Hồng Minh	GV tổ Mầm non và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh.</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
10	Thiết kế bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin nội dung học phần “Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non”.	ThS. Trịnh Thị Ngà	GV tổ Mầm non và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
11	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập, hướng dẫn tự học học phần <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường CĐSP Bắc Ninh.	ThS. Nguyễn Thị Dư	GV tổ Mầm non và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
12	Hướng dẫn sinh viên ngành GDMN trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế bài tập phát triển chung và thể dục sáng sử dụng âm nhạc hiện đại.	ThS. Vũ Thị Ánh Ngọc	GV tổ Mầm non và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học cho SV ngành GDMN và làm tài liệu tham khảo cho GV các trường mầm non.
13	Hướng dẫn sinh viên ngành GDMN thiết kế trò chơi học tập để giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.	ThS. Bùi Thu Thủy	GV tổ Mầm non và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học cho SV ngành GDMN và làm tài liệu tham khảo cho GV các trường mầm non.

14	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non.	ThS. Nguyễn Thị Thúy Vân	GV tổ Toán và SV ngành GDMN - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong việc rèn luyện kỹ năng phát triển tư duy Toán cho trẻ MN cho sinh viên ngành GDMN.
15	Tài liệu ôn thi tốt nghiệp các môn Lí luận chính trị.	TS. Nguyễn Hữu Niên	GV tổ LLCT và SV năm cuối - Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học nội dung ôn thi tốt nghiệp các môn <i>Lí luận chính trị</i> cho sinh viên trường CĐSP Bắc Ninh.
16	Quản lí hành chính nhà nước và QL ngành Giáo dục - Đào tạo.	ThS. Hoàng Minh Loan	GV tổ LLCT và SV Trường CĐSPBN	Từ tháng 8/2022 đến tháng 5/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học nội dung ôn thi tốt nghiệp các môn <i>Quản lí hành chính nhà nước và QL ngành Giáo dục - Đào tạo</i> cho sinh viên trường CĐSP Bắc Ninh.

*** Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2022-2023**

Năm học 2022 - 2023, Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Trường CĐSP Bắc Ninh đã nghiệm thu và công nhận 28 ĐTKH, 02 TLHT của các giảng viên, cụ thể trong bảng dưới đây:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Thiết kế trò chơi khởi động đầu giờ nhằm tăng hứng thú học tập cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non - Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths. Vũ Thị Ánh Ngọc	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học các HP phương pháp cho SV ngành Giáo dục MN.
2	Một số biện pháp nhằm phát triển năng lực tự học cho sinh viên Mầm non trong dạy học học phần <i>Quản lí và đánh giá trong GDMN</i> ở Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths. Nguyễn Thị Dư	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giảng dạy học phần <i>Quản lí và đánh giá trong GDMN</i> ở Trường CĐSP Bắc Ninh.
3	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập ôn tập Tiếng Việt 3, tập 1 (Chương trình GDPT 2018).	TS. Nguyễn Thị Thắng	Các trường TH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giảng dạy môn Tiếng Việt 3, tập 1 ở trường TH.
4	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung <i>Những vấn đề chung về thơ văn viết cho trẻ mầm non và Hướng dẫn sinh viên sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non</i> trong dạy học học phần <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục	Ths. Vương Hồng Nhung	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

	Mầm non.					
5	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá Chương 6 đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non - Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Thiêm	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
6	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá nội dung chương 1 đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần “ <i>Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với văn học</i> ” cho sinh viên ngành giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Nguyệt	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
7	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá Chương 3: <i>Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ</i> đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành GDMN Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Ngô Thị Lanh	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
8	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá nội dung <i>Từ vựng Tiếng Việt</i> đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành GDMN Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Phùng Thị Hiền	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
9	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá nội dung <i>Ngữ âm</i> đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Huế	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
10	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập ôn tập Tiếng Việt 3, tập 2 (Chương trình GDPT 2018).	Ths.Trần Thúy Hằng	Các trường TH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giảng dạy môn Tiếng Việt 3, tập 2 ở trường TH.
11	Xây dựng bộ câu hỏi đánh giá kết quả học tập học phần <i>Tâm lý học</i>	Ths.Phan Thị Ngàn	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học <i>Tâm lý học</i>

	<i>mầm non</i> cho sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.			tháng 4/2023		<i>mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục MN.
12	Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong giảng dạy học phần <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2</i> , phần chủ nghĩa xã hội khoa học ở Trường CĐSP Bắc Ninh hiện nay.	Ths.Hoàng Minh Loan	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
13	Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học học phần <i>Đường lối CMĐCSVN</i> ở trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Phạm Thị Hải	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Đường lối CMĐCSVN</i> ở trường CĐSP Bắc Ninh.
14	Một số biện pháp hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh tổ chức hoạt động nghe nhạc cho trẻ 5 – 6 tuổi.	Ths.Trần Hùng Viện	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học HP <i>PP tổ chức hoạt động âm nhạc</i> cho SV ngành GDMN.
15	Xây dựng nội dung giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho học sinh trung học cơ sở.	TS.Đặng Thị Thanh Mai	Các trường THCS	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giáo dục giới tính cho học sinh THCS.
16	Xây dựng hệ thống câu hỏi tự luận kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần <i>Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</i> đối với sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Bích Quyên	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
17	Xây dựng hệ thống câu hỏi tự luận kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non</i> đối với sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Thu Hằng	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
	Xây dựng một số nội dung dạy học ở mô-đun “Lắp đặt hệ thống điều khiển chiếu sáng cho ngôi nhà thông minh”, môn Công nghệ 9	Ths.Trần Thị Hương Mai	Các trường THCS	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GV dạy Công nghệ 9 tại các trường THCS.

	(Chương trình GDPT 2018) theo phương pháp dạy học dự án.					
18	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Công nghệ lớp 11 theo định hướng phát triển năng lực.	Ths.Nguyễn Thị Dung	Các trường THPT	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GV dạy Công nghệ 11 tại các trường THPT.
19	Thiết kế một số bài tập phát triển nhận thức phần Cơ sở học - Vật lí 8.	Ths.Lê Thị Thùy Linh	Các trường THCS	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GV dạy môn Vật lý lớp 8 tại các trường THCS.
20	Thiết kế bài tập nâng cao kiến thức và phát triển tư duy môn Toán cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1.	Ths.Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Các trường Mầm non	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GVMN tại các trường MN.
21	Xây dựng phiếu đồng hành phát triển năng lực Toán cho trẻ mầm non chuẩn bị vào lớp 1.	Ths.Nguyễn Thị Thúy Vân	Các trường Mầm non	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GVMN tại các trường MN.
22	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế hoạt động hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.	Ths.Ngô Sách Đăng	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP hình thành biểu tượng Toán cho trẻ MN.</i>
23	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế bài toán tư duy giúp trẻ hình thành kỹ năng quan sát, so sánh, phân loại và sắp xếp theo quy tắc.	Ths.Trần Quốc Việt	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP hình thành biểu tượng Toán cho trẻ MN.</i>
24	Thiết kế bài giảng ứng dụng CNTT môn <i>Tiếng Anh mầm non 2</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Phương Mai - Ths.Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học học phần <i>Tiếng Anh mầm non 2.</i>
25	Xây dựng các hoạt động trải nghiệm Tiếng Anh cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Thu Viện	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học các học phần Tiếng Anh cho sinh viên.
26	Thiết kế bài giảng ứng dụng CNTT môn <i>Tiếng Anh Mầm non 1</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm	Ths.Nguyễn Văn Thuật Ths.Nguyễn Thị	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học học phần <i>Tiếng Anh mầm non 2.</i>

	non, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Hồng Vân				
27	Nâng cao công tác tuyên truyền nhằm xây dựng xã hội học tập cho sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Đỗ Thị Loan Ths.Lại Thị Hằng	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giáo dục văn hóa học đường cho SV trường CĐSP Bắc ninh.
28	Đổi mới phương pháp dạy học các hàm thường dùng phần Excel học phần <i>CNTT & UDCNTT trong dạy học</i> ở trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Hương Giang	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Tiếng Anh Mầm non 1</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.
29	Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn dạy học chủ đề Bảo vệ môi trường trong Tài liệu Giáo dục địa phương Tỉnh Bắc Ninh lớp 10.	TS. Đặng Thị Thanh Mai	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>CNTT & UDCNTT trong dạy học</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.
30	Tài liệu học tập: Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường.	Ths.Lưu Thị Thanh Hường Ths. Bùi Thị Thu Thủy	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Trang trí trường, lớp mầm non</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến

1	KĐCL cơ sở giáo dục	- ĐGN theo Quyết định số 68/QĐ-KĐCLGD ngày 02/11/2019 của Giám đốc TT KĐCLGD – Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam. - Được cấp Giấy chứng nhận KĐCL cơ sở giáo dục ngày 06/3/2020.	85,45% tiêu chí đạt.	Nghị quyết 06/CV-KĐCLGD của TT KĐCLGD, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam ngày 08/01/2020	Đạt chuẩn chất lượng KĐCL cơ sở giáo dục.	06/3/2020	06/3/2025
2	KĐCL chương trình đào tạo	Trường chưa đánh giá ngoài, đang TĐG CTĐT vào năm học 2022-2023					

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Hữu Tuyên

SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó: Trụ sở chính: số 12A- đường Bình Than, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	38 500	x	0	0
a	Phân hiệu tại...	38 500	x	0	0
b	Phân hiệu tại...	0	0	0	0
c	Cơ sở 2 tại...	0	0	0	0
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	16 689	x	0	0
a	Trụ sở chính	16 689	x	0	0
b	Phân hiệu tại...	0	0	0	0
c	Cơ sở 2 tại...	0	0	0	0

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	03	Thực hành thí nghiệm	Sinh viên	185	x	0	0
2	Phòng thực hành...	09	Thực hành thí nghiệm	Sinh viên	400	x	0	0
3	Xưởng thực tập...	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhà tập đa năng	01	Hoạt động TT	CBGV, SV	680	x	0	0
5	Hội trường A	01	Hoạt động TT	CBGV, SV	300	x	0	0
6	Phòng học.văn hoá đa phương tiện	32	Giảng dạy, học tập	GV,SV	4 524	x	0	0
7	Phòng học Môn	02	Giảng	GV,SV	800	x	0	0

	chung		dạy, học tập					
8	Phòng Máy tính	03	Giảng dạy, học tập	GV,SV	425	x	0	0
9	Phòng học Ngoại ngữ	02	Giảng dạy, học tập	GV,SV	130	x	0	0
10	Thư viện...	01	Phục vụ Đào tạo	GV,SV	900	x	0	0
11	Các phòng chức năng khác	40	Điều hành	GV,SV	2 880	x	0	0
12	Ký túc xá sinh viên	02	Phục vụ sinh viên		5 850	x	0	0

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	01
2	Số chỗ ngồi đọc	90
3	Số máy tính của thư viện	35
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	6.203 đầu sách tạp chí
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	44,2 m2
2	Diện tích sàn/sinh viên	19,2 m2

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Hữu Tuyển

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2023 - 2024

[illegible]

e	Khối ngành VI	0										
	Ngành...											
	Khối ngành VII	0										
	Ngành...											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Khối ngành I					
1	Nguyễn Hữu Tuyển	06/03/1968	Nam	GVC	TS	Toán
2	Nguyễn Thị Thương	18/11/1973	Nữ	GVC	ThS	Văn-QLGD
3	Nguyễn Thanh Chuân	17/06/1970	Nam	GVC	ThS	T.Anh
4	Nguyễn Thị Thuý Hà	14/08/1974	Nữ	GVC	TS	Hoá
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/09/1979	Nữ	GVC	ThS	Văn
6	Trần Thị Hương Mai	27/03/1978	Nữ	GVC	ThS	KTCN
7	Nguyễn Hữu Tuấn	02/02/1992	Nam	GV	ThS	QLGD
8	Vương Thị Luận	27/08/1975	Nữ	GVC	ThS	TLGD
9	Ngô Duy Nam	27/05/1977	Nam	GVC	ThS	Tin
10	Phan Thị Ngân	02/08/1985	Nữ	GV	ThS	TLGD
11	Đặng Thị Thanh Mai	07/08/1973	Nữ	GVC	TS	Sinh
12	Lưu Thị Ngọc Tuyết	18/09/1981	Nữ	GVC	TS	Sử

13	Đỗ Thị Loan	10/12/1976	Nữ	GVC	ThS	Sinh
14	Nguyễn Thị Dung	16/03/1987	Nữ	GV	ThS	KTCN
15	Lại Thị Hằng	16/12/1987	Nữ	GV	ThS	TLGD
16	Nguyễn Quốc Tuấn	26/10/1976	Nam	GVC	ThS	Mĩ thuật
17	Vũ Thị Việt Thái	05/12/1980	Nữ	GV	ThS	Thể dục
18	Nguyễn Thị Nhung	25/01/1975	Nữ	GV	ThS	GDMN
19	Nguyễn Thị Lập	28/05/1974	Nữ	GVC	ThS	T.Anh
20	Hoàng Thị Thu Hà	25/01/1977	Nữ	GV	ThS	Sinh
21	Nguyễn Thị Thắng	07/07/1982	Nữ	GVC	TS	Văn
22	Vương Hồng Nhung	29/09/1987	Nữ	GVC	ThS	Văn
23	Nguyễn Thị Thiêm	24/10/1986	Nữ	GV	ThS	Văn
24	Trần Thuý Hằng	29/12/1986	Nữ	GV	ThS	Văn
25	Phùng Thị Hiền	08/10/1986	Nữ	GV	ThS	Văn
26	Ngô Thị Lanh	22/10/1987	Nữ	GV	ThS	Văn
27	Nguyễn Thị Nguyệt	18/08/1981	Nữ	GVC	ThS	Văn
28	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	26/04/1988	Nữ	GV	ThS	Toán
29	Nguyễn Thị Thuý Vân	13/08/1988	Nữ	GV	ThS	Toán
30	Trần Quốc Việt	10/05/1985	Nam	GV	ThS	Toán
31	Trần Thị Hồng Minh	13/08/1976	Nữ	GVC	ThS	GDMN
32	Trịnh Thị Ngà	15/09/1979	Nữ	GVC	ThS	GDMN
33	Nguyễn Thị Dư	11/04/1976	Nữ	GVC	ThS	GDMN
34	Lưu Thị Thanh Hương	13/04/1987	Nữ	GV	ThS	GDMN
35	Bùi Thị Thu Thủy	17/10/1991	Nữ	GV	ThS	GDMN
36	Vũ Thị Ánh Ngọc	10/10/1985	Nữ	GV	ThS	GDMN
37	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/11/1986	Nữ	GV	ThS	Sinh
38	Phan Thị Hiền	12/11/1977	Nữ	GVC	ThS	Sử
39	Nguyễn Bích Quyên	13/04/1986	Nữ	GV	ThS	Sinh
40	Dương Đình Thắng	03/10/1965	Nam	GVC	ThS	Sử
41	Ngô Sách Đăng	08/12/1983	Nam	GVC	ThS	Toán
42	Nguyễn Thị Huế	10/03/1981	Nữ	GV	ThS	Văn
43	Lê Thị Thủy Linh	18/06/1986	Nữ	GVC	ThS	Vật lý

44	Nguyễn Thị Hương Dung	25/08/1972	Nữ	GV	ThS	Hoá
45	Trần Quang Bắc	07/05/1967	Nam	GVC	ThS	Địa
46	Nguyễn Thị Thanh Tâm	30/01/1985	Nữ	GV	ThS	Tin
47	Nguyễn Hương Giang	21/09/1980	Nữ	GV	ThS	Tin
48	Đàm Công Thắng	07/01/1984	Nam	GV	ThS	Tin
49	Đặng Cao Sơn	10/08/1967	Nam	GV	ThS	Âm nhạc
50	Nguyễn Văn Sinh	14/05/1968	Nam	GV	ThS	Âm nhạc
51	Dương Tố Nga	29/06/1969	Nữ	GV	ĐH	Âm nhạc
52	Nguyễn Văn Thuy	26/11/1976	Nữ	GV	ĐH	Âm nhạc
53	Trần Hùng Viện	22/05/1984	Nam	GV	ThS	Âm nhạc
54	Vũ Thị Loan	14/05/1970	Nữ	GV	ThS	Mĩ thuật
55	Nguyễn Thị Phúc Oanh	02/06/1971	Nữ	GV	ThS	Mĩ thuật
56	Trương Thị Hồng Mỹ	05/06/1979	Nữ	GVC	ThS	Mĩ thuật
57	Ngô Khánh Quân	05/07/1967	Nam	GV	ĐH	Mĩ thuật
58	Dương Biên Hoà	06/12/1964	Nam	GVC	ThS	Thể dục
59	Nguyễn Như Trung	22/08/1974	Nam	GV	ThS	Thể dục
60	Nguyễn Thế Cường	28/11/1987	Nam	GV	ĐH	Thể dục
61	Ngô Vũ Sơn	09/01/1967	Nam	GV	ThS	QPAN
62	Nguyễn Đức Tài	26/06/1987	Nam	GV	ĐH	QPAN
63	Nguyễn Thị Thu Viện	23/06/1972	Nữ	GVC	ThS	T.Anh
64	Nguyễn Thị Phương Mai	21/09/1974	Nữ	GVC	ThS	T.Anh
65	Nguyễn Văn Thuật	28/11/1968	Nam	GV	ThS	T.Anh
66	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/10/1974	Nữ	GV	ThS	T.Anh
67	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18/11/1973	Nữ	GV	ThS	T.Anh
68	Nguyễn Hữu Niên	12/10/1974	Nam	GVC	TS	Chính trị
69	Đỗ Thị Nguyệt	14/06/1969	Nữ	GV	ThS	Chính trị
70	Lưu Thị Hường	17/01/1984	Nữ	GVC	ThS	Chính trị
71	Nguyễn Thị Huệ	16/01/1986	Nữ	GV	ThS	Chính trị
72	Hoàng Minh Loan	22/08/1985	Nữ	GV	ThS	Chính trị
73	Nguyễn Thị Thu Hà	05/09/1975	Nữ	GVC	ThS	TLGD

74	Hà Duy Tá	20/11/1966	Nam	GVC	ThS	TLGD
75	Nguyễn Thị Hạnh Ngọc	16/10/1982	Nữ	GV	ThS	TLGD
76	Nguyễn Thị Hằng	04/11/1980	Nữ	GV	ThS	TLGD
77	Đào Lan Hương	18/01/1984	Nữ	GV	TS	TLGD
78	Vương Thị Thanh Thủy	19/04/1978	Nữ	GV	ThS	TLGD
79	Phạm Thị Hải	07/03/1988	Nữ	GV	ThS	Chính trị
80	Vương Thị Thủy	19/04/1988	Nữ	GV	ThS	TLGD
81	Nguyễn Minh Tuyên	17/02/1984	Nam	GV	ThS	Chính trị
82	Nguyễn Quỳnh Anh	10/02/1994	Nữ	GV	ThS	QLGD
83	Phạm Minh Hồng	22/12/1986	Nữ	GV	ThS	T.Anh
2	Khối ngành II		0			
	...					
3	Khối ngành III		0			
	...					
4	Khối ngành IV		0			
	...					
5	Khối ngành V		0			
	...					
6	Khối ngành VI		0			
	...					
7	Khối ngành VII		0			
	...					

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	10,28
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	

6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

* Ghi chú: Thời điểm tháng 9/2023 số học sinh sinh viên của Trường là: 853

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Hữu Tuyển

Biểu mẫu 21

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

THÔNG BÁO

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm,
trung cấp sư phạm năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2023- 2024	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	7,8	37,4
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	8,68	38,1
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Dự kiến tổng thu năm	Tỷ đồng	33,574	



1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	23,874	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	4,4	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	5,3	

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tuyển

